

Phụ lục : MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo công văn số 2738/STC-QLCSGC ngày 18/5/2023 của sở tài chính)

**CÔNG TY CP SXNVLXD
HÀ TRUNG**

Số : 01/VLXD-KKG

V/V kê khai giá hàng hóa
dịch vụ bán trong nước

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Thanh Hóa, ngày .01. tháng .01. năm 2023

Kính gửi : UBND huyện Hà Trung

Căn cứ quyết định số :18/2023/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành danh mục hàng hóa,dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Công ty cổ phần sản xuất NVL xây dựng Hà Trung gửi bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm)

Mức giá kê khai thực hiện từ ngày : 01 tháng 01 năm 2023

Công ty cổ phần sản xuất NVL xây dựng Hà Trung chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu Công ty

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC

Trình Đình Công

- Họ tên người nộp biểu mẫu : Công ty cổ phần sản xuất NVL xây dựng Hà Trung
- Địa chỉ đơn vị : số 122, tiểu khu 6, TT Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại : 0237.836.493 Fax: 0237.836.493

Ghi nhận ngày nộp văn bản kê khai giá

của cơ quan tiếp nhận

Nhận ngày 02/01/2023

Vũ Xuân Lộc

Hà Trung, ngày 28 tháng 12 năm 2023

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn ngàytháng năm 2023 của)

1. Mức giá kê khai bán trong nước hoặc xuất khẩu : các mức giá tại mỏ đất san lấp như sau :

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Đất san lấp	M ³	53.900				

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc làm giảm hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

-Mức giá kê khai thực hiện t ngày 01 tháng 01 năm 2023

Ghi chú :

- Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế GTGT cho 1 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ

Mức giá kê khai xuất khẩu ghi cụ thể áp dụng cho thị trường nước xuất khẩu nào là tính theo tỷ giá mua vàoVNĐ/USD tại ngân hàng thương mạingày.....tháng.....năm.....

PHỤ LỤC:
PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN GIÁ ĐẤT SAN LẤP

Giá bán = Giá thành toàn bộ sản phẩm + Lợi nhuận dự kiến + thuế VAT (Được lập trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; và căn cứ tình hình thực tế)					
ST T	Nội dung chi phí	Diễn giải			Ghi chú
		Đơn vị tính	...	Đơn giá cho 1m3	
A	Giá thành toàn bộ sản phẩm:			44.055	
1	Chi phí trực tiếp				
-	Chi phí cấp quyền khai thác (trúng thầu)	m3		856	
-	Chi phí đền bù GPMB				Được UBND huyện duyệt
-	Chi phí đầu tư xây dựng	m3		7.000	
+	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và khai thác	m3		382	Đã được thẩm định
+	Chi phí xây dựng (hạng mục công trình)	m3		1.235	Các hạng mục đã đầu tư theo Hồ sơ thiết kế thi công được thẩm
+	Chi phí đào bóc hữu cơ, phong hóa (đối với khai thác đất)				Theo Hồ sơ thiết kế thi công được thẩm định
+	Chi phí đánh giá tác động môi trường				Đã được thẩm định
2	Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường	m3		745	Theo phương án được thẩm định (chi phí tạm tính theo Thông tư 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 là 190.000.000đồng/ha)
3	Các chi phí khác				
-	Chi phí hút cát (bằng tàu hút)				Theo định mức nạo vét cát (đối với cát)
-	Chi phí đào xúc đất lên phương tiện	m3		18.000	Theo định mức đào xúc đất (đối với đất)
-	Phí bảo vệ môi trường	m3		2.200	Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa
-	Thuế tài nguyên	m3		3.430	QĐ số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa
-	Chi phí thuê đất, thuê mặt nước	m3		3.176	Điều 12 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014
-	Chi phí cấp phép hoạt động khoáng sản	m3		33	Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016

	Chi phí chuyển đổi mục đích đất rừng (nếu có)				Thông tư 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ NNPTNT
	- Chi phí bán hàng	m3		3.000	Hạch toán lương doanh nghiệp
	- Chi phí quản lý	m3		4.000	Hạch toán lương doanh nghiệp
	- Chi phí tài chính - vốn vay (nếu có)				Hạch toán theo quy định Ngân hàng
B	Lợi nhuận dự kiến	m3		4.945	Hạch toán doanh nghiệp
C	Thuế VAT	m3		4.900	Theo quy định (10%)
	Giá bán (A+B+C)	m3		53.900	
	<i>Lưu ý: Đơn giá được tính phân bổ cho 01m3</i>				

CÔNG TY CP SX-NVL XD HÀ TRUNG



GIÁM ĐỐC
Trình Đình Công